

Biện pháp ngăn chặn: Nguyễn Viết N bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/3/2018 đến ngày 18/3/2018 chuyển tạm giam đến nay tại Nhà tạm giữ, lưu giam Công an thị xã Phổ Yên. (Có mặt tại phiên tòa).

*** Người bị hại:** Ông Lê Khắc C, sinh năm 1973 (có đơn xin xét xử vắng mặt Trú tại: SN 204 B3, khu tập thể Bản Đồ, Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Bà Đặng Thị Hồng V, sinh năm 1979 (có đơn vắng mặt)
Trú tại: SN 204 B3, khu tập thể Bản Đồ, Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

*** Người làm chứng:**

1. Ông Lê Tự D, sinh năm 1962

2. Ông Lê Văn D1, sinh năm 1958

3. Anh Bùi Văn T, sinh năm 1992

ĐTQ: Khối 2, thị trấn Tân Kỳ, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An

TQ: Xóm Liên S, xã Hồng Tiến, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên

4. Anh Nguyễn Viết K, sinh năm 1984

TQ: Xóm Cống Thượng, xã Hồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

5. Anh Tạ Văn H, sinh năm 1966

6. Anh Tạ Văn H1, sinh năm 1983

ĐTQ: TDP An Bình, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên.

7. Anh Trần Tùng L, sinh năm 1976

TQ: Xóm Hương Đình, xã Tân Phú, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

8. Anh Cao Văn T1, sinh năm 1994

TQ: Tổ 2, thị trấn Trại Cau, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

(Đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Khoảng tháng 3/2018, Trần Tùng L, sinh năm 1976, trú tại xóm Hương Đình, xã Tân Phú, thị xã Phổ Yên có quen biết và nhờ Nguyễn Viết N, sinh năm 1995, trú tại xóm Quán Chè, xã Nga My, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên đi môi giới sơn tại các công trình xây dựng trên địa bàn thị xã Phổ Yên, L có thỏa thuận với N nếu môi giới bán được sơn cho các công trình thì Lâm sẽ chi trả hồng cho N. Ngày 15/3/2018 N cùng một đối tượng tên T (N không biết họ và tên đầy đủ cũng như địa chỉ của T) đến

khu vực khách sạn (công trình đang xây dựng của ông Lê Khắc C, sinh năm 1973, trú tại Khu tập thể Bản đồ, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội, khu xây dựng thuộc TDP An Bình, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên) để giới thiệu bán sơn cho công trình xây dựng của ông C, ông C không mua sơn nên N gây rối, đe dọa thợ điện nước đang làm tại công trình của ông C phải nghỉ việc, nếu cố tình làm ra ngoài công trình N sẽ đánh. Đến ngày 08/3/2018, N đến công trình của ông C tiếp tục đe dọa anh Lê Tự D (Sinh năm 1962; trú tại khối 2, thị trấn Tân Kỳ, huyện Tân Kỳ, Nghệ An), anh Nguyễn Viết K (Sinh năm 1984; trú tại xóm Cống Thượng, xã Hồng Tiến, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên) và anh Bùi Văn T (Sinh năm 1992; trú tại xóm Liên Sơn, xã Hồng Tiến, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên) đều là thợ điện nước của công trình, khiến anh D, anh K và anh T sợ phải nghỉ việc ngày hôm đó. Đến tối ngày 08/3/2018, N đang ngồi uống nước ở gần công trình xây dựng khách sạn của ông C, thì ông C đến gặp N để hỏi nguyên nhân. Khi gặp ông C, N đặt vấn đề muốn ông C dùng sơn của anh L để sơn công trình khách sạn của ông C. Ông C không đồng ý dùng sơn của anh L do N giới thiệu, ông C hỏi N có cách nào để không phải mua sơn của anh L không. N bảo với ông C nếu không muốn dùng sơn của anh L thì phải đưa cho N 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng), nếu không đưa tiền cho N thì N sẽ đe dọa thợ không cho tiếp tục xây dựng công trình nữa. Ông C đồng ý, hẹn N ngày hôm sau sẽ đưa tiền. Chiều ngày 09/3/2018 ông C đưa vợ là bà Đặng Thị Hồng V lên để gặp N tại quán cà phê Seul. Khi gặp N, ông C, bà V có đề xuất với N việc chậm nộp tiền như đã thỏa thuận vì sợ vào ngày nghỉ không rút được tiền, sau đó N có lời nói đe dọa và yêu cầu nếu ngày 10/3/2018 mới đưa tiền thì phải đưa thành 30.000.000đ, chậm một ngày phải nộp thêm 10.000.000đ, đến ngày 12/3/2018 thì phải đưa cho N 50.000.000đ. Do sợ hãi nên ông C và bà V đồng ý. Ngày 10/3/2018, N tiếp tục nhờ một người tên Đ cùng một số đối tượng khác (hiện chưa xác định được lai lịch, địa chỉ) đến công trình của ông C gọi anh Nguyễn Viết K ra quán nước gần công trình đe dọa bắt anh Kiên phải nghỉ làm. Tối ngày 11/3/2018 Ngọc gọi điện thoại yêu cầu ông Châu nộp tiền như đã hứa thì mới cho công nhân làm việc. Do sợ N nhận tiền mà vẫn không cho công nhân làm việc tại công trình nên ông C đã có đơn trình báo công an thị xã Phổ Yên. Đến 11 giờ ngày 12/3/2018, ông C hẹn để đưa tiền cho N tại quán cà phê Seul thuộc khu tái định cư Yên Bình, phường Đồng Tiến. Khi gặp N tại tầng 2 của quán cà phê ông C yêu cầu với N:

- Khi đưa tiền rồi N không được ép mua sơn của anh L;
- Khi đưa tiền thì không được đưa người đến đánh công nhân;

- Số tiền 50 triệu được đưa làm hai lần.

Do N không đồng ý đưa tiền làm hai lần, nên ông C đưa cho N cả 50 triệu đồng, N nhận tiền rồi cho vào túi quần trước bên phải của mình, ông C và N đi xuống tầng 1 quán cà phê thì bị tổ công tác của Công an thị xã Phổ Yên phát hiện, bắt quả tang.

Vật chứng vụ án: Thu giữ tại túi quần của N: 50.000.000đ tiền mặt vừa nhận từ ông C; 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO F5; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α màu đen, Biển kiểm soát 20B1-509.26 và 410.000đ tiền mặt.

Đối với xe mô tô Biển kiểm soát 20B1-509.26 đăng ký sở hữu mang tên chị Cao Thị H (Sinh năm 1991; trú tại tổ 2, thị trấn Trại Cau, huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên), do N mượn. Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu quản lý sử dụng theo quy định;

Số tiền 410.000đ thu ở túi quần sau bên phải trên người N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F5, màu xanh đã qua sử dụng N khai là tài sản riêng nên được tạm giữ để phục vụ điều tra.

2. Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát: Tại bản cáo trạng số: 78/KSĐT ngày 07/6/2018 của VKS nhân dân thị xã Phổ Yên đã truy tố Nguyễn Viết Ngọc về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm d, e khoản 2 Điều 170 BLHS.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Viết N tại bản cáo trạng đã truy tố.

Nhân thân: tại bản án số: 90/2015/HSST ngày 17/9/2015 Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên xử phạt 03 năm tù về tội “Môi giới mại dâm”, đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa được xóa án tích. Lỗi phạm tội này được xác định là tái phạm nguy hiểm theo quy định tại a khoản 2 Điều 53 BLHS năm 2015.

Các tình tiết giảm nhẹ được hưởng: điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS

Tình tiết tăng nặng: không phải chịu

Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nguyễn Viết N phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”

Đề nghị áp dụng điểm d, e khoản 2 Điều 170 BLHS, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Viết N từ 05 – 06 năm tù

**Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.*

**Về TNDS: Bị hại đã nhận tài sản không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.*

**Vật chứng: Tiếp tục tạm giữ phong bì niêm phong ký hiệu T2b bên trong có 01 điện thoại di động OPPO và 410.000đ để đảm bảo thi hành án.*

**Án phí và quyền kháng cáo: buộc bị cáo phải chịu án phí HSST nộp ngân sách Nhà nước và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.*

Ý kiến của của bị cáo: Nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận, đề nghị Toà án cho hưởng lượng khoan hồng của pháp luật.

Kết thúc phần tranh tụng bị cáo, đại diện VKS thị xã Phổ Yên không đưa ra quan điểm đối đáp tranh luận gì thêm.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo đã thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin HĐXX cho hưởng mức án thấp nhất để có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, làm công dân lương thiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Thủ tục tố tụng:

- Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp;

- Tại phiên tòa người bị hại, có quyền lợi liên quan (bà V), những người làm chứng vắng mặt. Kiểm sát viên, bị cáo đề nghị xét xử vắng mặt họ. Xét thấy, việc vắng mặt những người tham gia tố tụng này không gây cản trở cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 291, 292, 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định của pháp luật.

- Qua thủ tục kiểm tra căn cước, bị cáo Nguyễn Viết N xác nhận: ngày, tháng năm sinh theo giấy khai sinh, hồ sơ đi học của bị cáo là ngày 26/8/1995; năm sinh 1993 tại bản án HSST số 90 ngày 17/9/2015 của Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên đã xét xử bị cáo về tội "Môi giới mại dâm" với bị cáo là một người, lý do năm sinh không thống nhất là năm 2015 khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo khai tăng tuổi, tự ý sửa chữa giấy tờ và năm sinh ý định đi nước ngoài, hiện nay giấy khai sinh bị cáo không còn

lưu trữ. Bị cáo đã cải chính lại hộ tịch và lấy năm sinh 1995 để thống nhất với giấy tờ tùy thân khác và cũng đúng với năm sinh thật của bị cáo.

- Về tên và năm sinh của bố đẻ bị cáo là ông Nguyễn Văn T sinh năm 1968 hay Nguyễn Viết T đều là một người; mẹ đẻ Nguyễn Thị N, sinh năm 1973 với Nguyễn Thị N, sinh năm 1968 trong bản án HSST số 90 ngày 17/9/2015 của Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên đã xét xử bị cáo về tội "Môi giới mại dâm" đều là một người. Biên bản xác minh do Công an thị xã Phổ Yên thực hiện xác định tên mẹ bị cáo là Nguyễn Thị N có năm sinh 1973 là đúng thực tế năm sinh của mẹ bị cáo.

[2] Về hành vi bị truy tố, xét xử của bị cáo: Tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo Nguyễn Viết N khai nhận toàn bộ nội dung, diễn biến hành vi phạm tội, chỉ vì mục đích tư lợi, nên ngày 12/3/2018 bị cáo ép buộc ông Lê Khắc C phải đưa cho 50.000.000đ tiền mặt mới cho công nhân tiếp tục xây dựng công trình khách sạn tại khu tái định cư thuộc phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên. Bị cáo xác định thực hiện việc đe dọa để chiếm đoạt tài sản của ông C chỉ một mình mà không có đồng phạm khác tham gia. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án như video ghi lại hình ảnh N nhận tiền của ông C tại quán cà phê; USB file ghi âm cuộc nói chuyện giữa ông C với bị cáo N và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập trong quá trình điều tra nên HĐXX có đủ cơ sở xác định: Hành vi dùng lời nói đe dọa trực tiếp ông C và ép công nhân của ông C phải nghỉ việc để buộc ông C phải thực hiện việc giao tài sản số tiền 50.000.000đ cho mình. Do đó, hành vi của Nguyễn Viết N đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cưỡng đoạt tài sản" như VKS nhân dân thị xã Phổ Yên đã truy tố tại bản cáo trạng số 78/KSĐT ngày 07/6/2018 với hai tình tiết định khung tăng nặng theo điểm d, e khoản 2 Điều 170 BLHS là hoàn toàn có căn cứ, đúng luật, bởi năm 2015 Ngọc bị Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên xử phạt 03 năm tù về tội "Môi giới mại dâm", theo điểm e khoản 2 Điều 255 BLHS; ngày 12/3/2018 chiếm đoạt tài sản có giá trị trên 50.000.000đ. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 53 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì bị cáo:

a) Đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý;

Do đó, xác định lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

[3]. Cụ thể nội dung Điều 170 Bộ luật hình sự như sau:

"1. Người nào đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:...

d) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng...

e) Tái phạm nguy hiểm.”.

[4] Đánh giá tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng:

Xét hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, bị cáo nhận thức được việc đe dọa ép buộc người khác phải thực hiện giao tài sản cho mình là vi phạm pháp luật, nhưng do lười lao động và vì thỏa mãn nhu cầu cá nhân, có tiền tiêu xài, nên vẫn cố tình thực hiện hành vi với lỗi cố ý, làm mất trật tự an toàn xã hội, làm ảnh hưởng đến tinh thần, gây hoang mang cho người dân. Vì vậy cần phải được nghiêm trị.

Về các tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đó là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về hình phạt: Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo nhận thức hành vi chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật vì mục đích tư lợi cá nhân. Tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo cũng xác định thực hiện hành vi phạm tội một mình mà không có đồng phạm khác. Để có tác dụng răn đe và phòng ngừa tội phạm nói chung, cần thiết có mức hình phạt tù có thời hạn nghiêm khắc đối với bị cáo để làm gương răn đe chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Lời đề nghị mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên tại phiên tòa có căn cứ, đúng luật, phù hợp tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa vắng mặt người bị hại, người liên quan. Xong quá trình điều tra bị hại xác nhận đã nhận lại đủ số tiền bị chiếm đoạt 50.000.000đ nên không yêu cầu gì thêm đối với bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về trách nhiệm bồi thường.

[9] Về xử lý vật chứng:

Toàn bộ vật chứng thu giữ trong quá trình điều tra vụ án gồm: 01 điện thoại di động hiệu OPPO F5 và số tiền 410.000đ. Tại phiên tòa bị cáo xác định là điện thoại để liên lạc cá nhân, không thực hiện liên lạc đe dọa người bị hại. Số tiền 410.000đ là tài sản riêng để chi tiêu. Do đó cần trả lại các tài sản nêu trên cho bị cáo.

[10] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, bị hại, người liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[11] Các vấn đề khác: Trong vụ án này, đối tượng có tên T, Đ và các đối tượng khác đi cùng Nguyễn Viết N đến công trình đang xây dựng của anh Lê Khắc C để đe dọa thợ điện nước, hiện chưa xác định được tên tuổi, địa chỉ cụ thể nên không có cơ sở xác định là đồng phạm. Đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh nếu có căn cứ phạm tội thì xử lý theo quy định;

Đối với xe mô tô Biển kiểm soát 20B1-509.26 đăng ký sở hữu mang tên chị Cao Thị H (Sinh năm 1991; trú tại tổ 2, thị trấn Trại Cau, huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên), do N mượn. Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu quản lý sử dụng. Việc trả lại là đúng quy định HĐXX không đề cập. Do đó, xác định chị Hạnh không liên quan đến vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Viết N** phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

2. Về hình phạt:

* *Hình phạt chính:* Áp dụng điểm d, e khoản 2 Điều 170 BLHS, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Viết N 06** (sáu) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 12/3/2018

Căn cứ Điều 329 BLTTHS Quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Viết N 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

**Hình phạt bổ sung:* Miễn hình phạt tiền cho bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận bị hại (ông Lê Khắc C) đã nhận lại tài sản số tiền 50.000.000đ ngày 20/3/2018, nay không yêu cầu bị cáo bồi thường khoản gì khác. Do đó, HĐXX không xem xét.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại bị cáo N 01 điện thoại di động hiệu OPPO F5 màu xanh (được niêm phong trong phong bì có dấu đỏ ký hiệu T2b)

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa CQĐT Công an thị xã Phổ Yên với Chi cục Thi hành án thị xã Phổ Yên ngày 25 tháng 6 năm 2018);

- Trả lại bị cáo Ngọc 410.000đ (bốn trăm mười ngàn đồng), nhưng được tạm giữ để đảm bảo thi hành án khoản tiền án phí của vụ án.

(Theo ủy nhiệm chi chuyển tiền điện tử số 102 lập ngày 25 tháng 6 năm 2018 giữa CQĐT Công an thị xã Phổ Yên với Kho bạc Nhà nước thị xã Phổ Yên chuyển tiền vào tài khoản số 3949.0.1054784.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên).

5. Án phí: Áp dụng Điều 135, Khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Viết N phải chịu 200.000đ án phí HSST nộp ngân sách Nhà nước.

6. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 332, 333 BLTTHS

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo; vắng người bị hại ông C; vắng người liên quan bà V tại phiên tòa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt người bị hại và người liên quan tại phiên tòa. Những người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai, hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an thị xã Phổ Yên;
- VKS nhân dân thị xã Phổ Yên;
- Chi cục Thi hành án thị xã Phổ Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên
- Bị cáo; Trại tạm giam Công an thị xã PY;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà

(Giải thích chế định án treo tại Điều 60 BLHS cho bị cáo, đại diện bị cáo)

Theo quy định của khoản 5 Điều 60 BLHS năm 1999 và Nghị Quyết 01/2013 củ HĐTP Tòa án nhân dân tối cáo hướng dân, thì người được hưởng án treo phải tuân thủ thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, trong thời gian thử thách nếu phạm tội mới, thì Toà án quyết định buộc họ phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo Điều 51 BLHS,